

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA**
Bản án số: 318/ 2018/ HSST
Ngày: 29/ 11/ 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T;
2. Bà Lê Thị Mơi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 29/ 11/ 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 409/ 2018/ HSST ngày 15/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/QĐXXST- HS ngày 15/11/2018 đối với bị cáo:

Đậu Văn T (Tên gọi khác B), sinh năm 1994; Tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: đường X, phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa 11/12; Nghề nghiệp Lao động tự do; Con ông Đậu Văn T2 và bà Trần Thị H; Tiền án: Ngày 09/3/2017 Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An tỉnh Bình Dương xử phạt 6 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 04/4/2017; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/8/2013 Tòa án nhân dân quận 3 thành phố Hồ Chí Minh xử 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tạm giữ từ ngày 13/8/2018, tạm giam ngày 15/8/2018, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại : Viễn Thông T

Địa chỉ : đường Đ, phường Đ, thành phố T.

Người đại diện : Ông Nguyễn Anh T3 - GĐ

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Hữu H2 - GĐTTVTNTP

Địa chỉ : Thôn C, phường Q, Tp S, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sai cá nhân nên Đậu Văn T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 0 giờ 44' ngày 13/8/2018, T điều khiển xe mô tô BKS 36X1 - 3188 mang theo 01 bộ dây đeo an toàn, kìm cộng lực, mỏ lết đi từ phòng trọ dọc theo quốc lộ 47 lên thành phố T mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến Km9 + 400 phố M, xã Q, thành phố T, T nhìn thấy dây cáp viễn thông treo trên cột điện bị trùng xuống, quan sát không thấy có người, nên T dừng xe dùng bộ dây an toàn trèo lên cây cột cắt 01 đầu dây cáp cho rơi xuống, rồi T xuống đất cắt đầu dây còn lại. Sau khi cắt được đoạn dây cáp T cắt thành 2 đoạn, T cuộn tròn 01 đoạn dài khoảng 20m rồi chở đến cửa hàng sắt vụn trên quốc lộ 47 bán được 1.100.000đ sau đó T quay lại để chở tiếp đoạn thứ hai (dài khoảng 16m), khi đang chuẩn bị chở đi tiêu thụ thì bị công an xã Q phát hiện bắt quả tang thu giữ của T 16 m dây cáp viễn thông màu đen, 01 ba lô màu xám bên trong có đựng 01 kìm cộng lực, 01 kìm sắt, 01 bộ dây đeo an toàn, 01 mỏ lết, 01 xe mô tô BKS 36X1 - 3188 và 01 điện thoại Iphone6 màu đen.

Theo báo cáo của đại diện bị hại ông Nguyễn Hữu H2 giám đốc Trung tâm viễn thông nam thành phố T: Ngày 13/8/2018 tại Km9 + 400 quốc lộ 47 thuộc xã Q, thành phố T, Viễn Thông T mất khoảng 36m dây cáp loại 200 x 02 x 0,5 trị giá 9.400.000đ

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa định giá 36m dây cáp trị giá 8.460.000đ.

Ngoài ra cũng với thủ đoạn nêu trên vào rạng sáng ngày 07/8/2018 T điều khiển xe mô tô BKS 36X1 -3188 từ phòng trọ lên thành phố Thanh Hóa khi đi đến khoảng Km 9 + 400, T đã có hành vi trộm cắp khoảng 40m dây cáp viễn thông loại 200 x 02 x 0,5 của Viễn Thông T. Sau khi trộm cắp được ,T đã mang đến cửa hàng thu mua sắt vụn trên quốc lộ 47 bán được 500.000đ, số tiền trên T ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 29/10/2018 Hội đồng định giá trong tổ tụng đã định giá 40m dây cáp loại 200x 02 x 0.5 có giá trị 9.400.000đ

Quá trình điều tra T khai nhận sau khi trộm cắp được dây cáp T đã bán cho cửa hàng sắt vụn trên quốc lộ 47, tuy nhiên do T người nơi khác đến, trời tối nên T không nhớ rõ cửa hàng nào do đó không có cơ sở xác định và không thu hồi được tang vật.

Chiếc xe mô tô BKS 36X1 - 3188 qua điều tra xác định là xe của anh Trần Văn T4 sinh năm 1982 ở thôn T, xã T, huyện T cho T mượn làm phương

tiện đi lại, việc T dùng làm phương tiện phạm tội anh T4 không biết. Do đó cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T4 là phù hợp.

Chiếc điện thoại Iphone 6 thu giữ của T qua điều tra xác định đây là điện thoại của ông Đậu Văn T2 (bố đẻ T) mua cho T sử dụng liên lạc cá nhân do đó cơ quan điều tra trả lại cho ông T2 là phù hợp.

Theo báo cáo của ông Nguyễn Hữu H2 đại diện theo ủy quyền của bị hại thì: Dây cáp trên sau khi bị cắt sẽ không sử dụng được nữa nên ông yêu cầu T phải bồi thường giá trị của 76m dây cáp cùng với các chi phí khắc phục hậu quả, tổng số tiền 25.180.000đ.

Quá trình điều tra Đậu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 314/CT-VKS- SH ngày 14/ 11/ 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, đã truy tố bị cáo Đậu Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS. Khoản 1,2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Đậu Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Đậu Văn T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Viễn Thông T trị giá tài sản 25.180.000 đồng. Tịch thu Đối với 01 kim cộng lực, 01 kim sắt, 01 bộ dây đeo an toàn, 01 mỏ lết; tịch thu tiêu hủy đối với 16 m dây cáp viễn thông màu đen; 01 ba lô màu xám. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp 36 m dây cáp vào 0h 44' ngày 13/8/2018 và không thừa nhận hành vi trộm cắp 40m dây cáp vào rạng sáng ngày 07/8/2018. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người Tiến hành tố tụng.

[2]. *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, nên khoảng 0h45' ngày 13/8/2018 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 36 m dây cáp viễn thông tại km 9 + 400 Quốc lộ 47 xã Q, thành phố T. Sau đó bị cáo cắt số dây cáp trên làm 02 đoạn, mới mang đi tiêu thụ 01 đoạn được số tiền 1.100.000 đ, khi quay lại lấy đoạn dây cáp còn lại đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

Bị cáo không thừa nhận hành vi trộm cắp 40m dây cáp tại Km 9 + 400 vào rạng sáng ngày 07/8/2018. Nhưng tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được căn cứ chứng minh bị cáo không thực hiện hành vi này. Bị cáo thừa nhận tại cơ quan điều tra các bản tự khai do chính tay bị cáo viết và có cam đoan lời khai của mình (tại các BL: 38; 41; 47;50; 53). Mặt khác khi nhận kết luận điều tra, cáo trạng bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Tại phiên tòa bị cáo không thắc mắc gì về yêu cầu bồi thường dân sự đối với tổng thiệt hại do hành vi trộm cắp 02 lần của bị cáo. Do vậy việc bị cáo cho rằng không thực hiện hành vi trộm cắp vào rạng sáng ngày 07/8/2018 là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015.

[3]. Với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4]. Trong vụ án này bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội và phạm tội do cố ý khi chưa được xóa án tích của bản án số 56/2017/HSST ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Định. Nên bị cáo phải chịu các T2 tiết tăng nặng trách nhiệm được quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, nên khi xem xét hình phạt cũng cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các T2 tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Viễn Thông tỉnh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá tài sản(76m dây cáp) và chi phí khắc phục hậu quả, tổng số tiền 25.180.000đ. Cụ thể trị giá 76m dây cáp 17.860.000 đồng, ca xe vận chuyển dây cáp từ Hà Nội đến Thanh Hóa 3.500.000đ/ca, thời gian gián đoạn thông tin cung cấp dịch vụ khách hàng 110 khách hàng x 12h x 1.000 đồng/1 giờ = 1.320.000

đồng, chi phí nhân công khắc phục 10 nhân công x 350.000 đồng = 3.500.000 đồng. Ngày 29/10/2018 Hội đồng định giá trong tố tụng đã định giá 40m dây cáp loại 200x 02 x 0.5 có giá trị 9.400.000đ. Định giá 36m dây cáp trị giá 8.460.000đ. Tổng trị giá 76m dây cáp 17.860.000 đồng. Hiện nay bị cáo chưa bồi thường cho Viễn Thông T. Căn cứ vào các chứng cứ mà phía bị hại cung cấp như hóa đơn nhập kho, Hợp đồng thuê xe, Hợp đồng thuê nhân công và Hợp đồng sử dụng mạng của các khách hàng, cũng như tại phiên tòa bị cáo chấp nhận số tiền bị hại yêu cầu. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ, áp dụng Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho Viễn Thông T số tiền 25.180.000 đồng.

[6]. Về vật chứng: Đối với 16 m dây cáp viễn thông màu đen; 01 ba lô màu xám không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy,

Đối với 01 kim cộng lực, 01 kim sắt, 01 bộ dây đeo an toàn, 01 mỏ lết bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền thu của bị cáo 1.100.000 đồng, bị cáo được trả lại số tiền này tuy nhiên hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo việc thi hành án.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS; Điều 589 BLDS; khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Đậu Văn T phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Đậu Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/8/2018.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Viễn Thông tỉnh T số tiền 25.180.000đ đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực Trung tâm viễn thông tỉnh T có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THA có quyết định thi hành nếu bị cáo chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền bồi thường nói trên, thì phải chịu lãi suất theo Điều 357 BLDS

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 16 m dây cáp viễn thông màu đen; 01 ba lô màu xám. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 kim cộng lực, 01 kim sắt, 01 bộ dây đeo an toàn, 01 mỏ lết.

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.100.000 đồng, hiện số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, vì vậy tiếp tục quy trữ số tiền này để đảm bảo cho việc Thi hành án. (*Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại*

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 43 /THA ngày 16/11/2018 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa)

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 1.259.000đ án phí DSST.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an thành phố Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt